

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Khánh và bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/8/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984, nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn B (Xóm 5 cũ), xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Vũ Quý N, sinh năm 1983, nơi ĐKKHKT: Thôn B (Xóm 5 cũ), xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà, Bộ Công an. (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Vũ Quý N đăng ký kết hôn với nhau ngày 30/11/2011, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị phát hiện anh N nghiện ma túy, chị và gia đình đã nhiều lần động viên anh N đi cai nghiện ma túy nhưng anh N không nghe, anh N làm được đồng nào thì mua ma túy sử dụng hết, kinh tế vợ chồng rất khó khăn. Vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh N nhiều lần đánh chị. Đến năm 2013, anh N vi phạm pháp luật nên bị Tòa án nhân

dân huyện B xử phạt 08 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, hiện anh N đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà – Bộ Công an, chị L thường xuyên vào thăm anh N, nhưng sau khi nói chuyện thì mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2013. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Quý N để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 08/8/2019, bị đơn - anh Vũ Quý N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 30/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nghiện ma túy, đi làm được tiền thì anh dùng để mua ma túy sử dụng hết, không đưa tiền cho chị L để nuôi con, kinh tế vợ chồng rất khó khăn. Chị L và gia đình đã nhiều lần động viên anh đi cai nghiện ma túy nhưng anh không đi, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Đến năm 2013 do anh vi phạm pháp luật nên bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 08 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà - Bộ Công an, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay. Nay chị L xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn chị L. Do anh đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Nam Hà - Bộ Công an, không thể tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án nên anh đã có đơn xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Quý N đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc B, sinh ngày 16/01/2013, hiện cháu đang ở với chị L. Ly hôn, anh chị đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu B cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị L, anh N đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam có quan điểm: Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây được viết là BLTTDS). Quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS; chị L và anh N đã chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS, anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Quý N; về con chung: Giao

cháu Vũ Ngọc B, sinh ngày 16/01/2013 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L; án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L, anh N phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam nhận định:

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Quý N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào 30/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N nghiện và thường xuyên sử dụng ma túy, chị L và gia đình đã nhiều lần động viên anh N đi cai nghiện ma túy nhưng anh không nghe, anh N làm được đồng nào thì mua ma túy sử dụng hết, dẫn đến kinh tế vợ chồng rất khó khăn, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Đến năm 2013, do anh N vi phạm pháp luật nên đã bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 08 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Hiện tại anh N đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà - Bộ Công an. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, anh chị đã không còn tình cảm với nhau nữa, khả năng đoàn tụ là khó. Do điều kiện anh N đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự được, Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được vào ngày 28/8/2019. Vì vậy, xử cho chị L được ly hôn anh N là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc B, sinh ngày 16/01/2013, hiện cháu đang ở với chị L, ly hôn anh chị thống nhất giao chị L tiếp tục nuôi cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh N hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cũng như đóng góp tiền cấp dưỡng cho cháu B; chị L có nơi ăn chốn ở, có công việc và thu nhập ổn định, bên cạnh đó thì kể từ khi vợ chồng sống ly thân (từ năm 2013) đến nay thì cháu B vẫn ở với chị L, được chị L chăm sóc chu đáo, cháu phát triển bình thường và có sức khỏe tốt. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu B, cần giao cháu cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, anh N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị L, anh N đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Quý N.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Ngọc B, sinh ngày 16/01/2013 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu B.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0002450 ngày 06/8/2019 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị L phải nộp. (Chị L đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho chị L biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh N biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân